TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2026/HS-ST
Ngày: 30/07/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Sướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lịch.

Ông Đinh Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:* Ông Phùng Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 206/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 07 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Khắc T,** sinh năm 1975; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường M, tỉnh Bắc Ninh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Vũ Khắc B; Họ và tên mẹ: Vũ Thị T1; H và tên vợ: Vũ Thị H1; Con: Có 04 con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" hiện đang tại ngoại ở địa phương. *"Có mặt".*

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Vũ Khánh D – Công ty L – Đoàn Luật sư Thành phố H. *"Có mặt".*

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Nhân Đ, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường M, tỉnh Bắc Ninh *"Vắng mặt".*

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường

H, tỉnh Bắc Ninh. "Vắng mặt".

2. Bà Lâm Thị T2, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tiểu khu B, xã M, tỉnh Sơn La. "Vắng mặt".

3. Ông Lâm Mạnh C, sinh năm 1969, nơi cư trú: Bản M, xã C, tỉnh Sơn La. "Vắng mặt".

4. Anh Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường M, tỉnh Bắc Ninh. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Nhân Đ, sinh năm 1990, làm nghề lái xe tải thuê cho Vũ Khắc T. Trong thời gian làm thuê cho T, anh Đ đã nhiều lần vay tiền của T, tính đến tháng 11/2024, tổng số tiền vay theo giấy biên nhận giữa 2 bên là 3.900.000.000 đồng. Buổi sáng ngày 12/6/2025, Vũ Khắc T giao cho anh Đ điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu HINO màu trắng, biển kiểm soát: 99C-079.70, trọng tải 7.950 kg (đăng ký tên Vũ Khắc T) để vận chuyển cá giống từ phường M, tỉnh Bắc Ninh đến huyện T, tỉnh Sơn La. Cùng đi trên xe có anh Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1982 và và Nguyễn Tiến T3, sinh năm 1983, đều là người làm thuê cho Vũ Khắc T, được T phân công đi theo phụ xe, vận chuyển cá giống. Khoảng 21 giờ ngày 12/6/2025, sau khi giao hàng xong, anh Đ cùng anh Đ1, anh T3 đến xã M, tỉnh Sơn La thuê nhà để nghỉ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, anh Đ nhận được thông tin của người nhà về việc Vũ Khắc T làm đơn kiện anh liên quan đến việc vay tiền không trả. Khoảng 06 giờ ngày 13/6/2025, anh Đ cùng anh Đ1, anh T3 đi ăn sáng tại khu vực ngã ba Cầu N, xã M thì gặp Vũ Đăng Q, sinh năm 1987, và Nguyễn Công T4, sinh năm 1974, đều là người phường Mão Điền và làm nghề lái xe. Sau khi ăn sáng, anh Đ nói với anh Đ1 là không còn tâm trạng lái xe do bị T làm đơn kiện và bàn giao lại xe ô tô biển kiểm soát 99C-079.70 cho anh Đ1. Sau đó anh Đ giao cho anh Đại số tiền 8.000.000 đồng, 01 phong bì thư dán kín, 01 quyển sổ ghi chép giao hàng và 01 chìa khóa xe ô tô. Anh Đ1 nhận, cất giữ các tài sản, giấy tờ trên và thông báo cho T biết việc anh Đ bàn giao xe, nhưng T trả lời: *"Không biết, chúng mày thích làm gì thì làm"*. Sau đó anh Đ, anh T3 đi cùng anh Q và anh T4 về, còn anh Đ1 ở lại trông giữ xe ô tô. Đến khoảng 16 giờ ngày 13/6/2025, do chờ lâu không có người đến nhận xe, anh Đ1 gọi điện cho T thì T chỉ đạo: "*Xe bây giờ ông nào đến thì đưa xe cho người ta"*, anh Đại đồng Ý. Sau đó T liên hệ với Lâm Thị T2, sinh năm 1962 để gửi xe tại kho hàng Hưng Thơm tại xã M, tỉnh Sơn La. Đồng thời gọi điện cho ông Lâm Mạnh C, sinh năm 1969 đến nhận xe. Sau khi được T chỉ dẫn vị trí xe thì ông C đến gặp anh Đ1 nhận chìa khóa và điều

khiển xe ô tô về gửi tại kho hàng H. Anh Đ1 sau đó ra về và bàn giao lại cho chị Vũ Thị H1 là vợ của T số tiền 8.000.000 đồng, 01 phong bì thư dán kín và 01 quyển sổ ghi chép giao hàng.

Do bức xúc việc anh Đ chưa trả số tiền đã vay và cho rằng anh Đ tự ý bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 99C-079.70 cho người khác mà không thông báo cho T biết, Vũ Khắc T đã nhờ ông Nguyễn Anh N, sinh năm 1971 soạn thảo đơn. Theo nội dung T cung cấp thì ông N soạn thảo các loại đơn gồm: đơn tố cáo, đơn tố cáo khẩn cấp, đơn khiếu nại, đơn khiếu nại khẩn cấp và đơn đề nghị, sau đó in ra để T ký tên. Sau khi hoàn thiện đơn, trên cơ sở yêu cầu của T, anh N nhờ Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1997 (con gái anh N) và Nguyễn Hữu Q1, sinh năm 2003 (người làm cùng anh N) mang các đơn trên đến bưu điện gửi đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gồm: Công an tỉnh B; Công an phường M, tỉnh Bắc Ninh; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Bắc Ninh; anh Nguyễn Nhân Đ và anh Nguyễn Nhân T5 (em ruột anh Đ).

Quá trình điều tra ông N khai nhận: Toàn bộ nội dung thông tin trong đơn là do Vũ Khắc T cung cấp và ông N chỉ soạn thảo văn bản và gửi đơn, không biết việc T gửi chiếc xe ô tô BKS: 99C-079.70 tại kho hàng Hưng Thơm ở xã M, tỉnh Sơn La còn T thì khai ông N biết toàn bộ nội dung vụ việc.

Quá trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn của Vũ Khắc T xác định:

Phòng C1 Công an tỉnh B tiếp nhận 10 đơn của T, trong đó lưu 05 đơn, chuyển 05 đơn đến Công an phường M để giải quyết theo thẩm quyền.

Thanh tra Công an tỉnh B tiếp nhận 12 đơn của T, trong đó chuyển 08 đơn đến Phòng C1 Công an tỉnh B, chuyển 02 đơn đến Công an phường M để giải quyết theo thẩm quyền và lưu 02 đơn.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh tiếp nhận 02 đơn tố cáo của T và hướng dẫn T gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Công an phường M tiếp nhận 31 đơn của T, gồm: 07 đơn tố cáo, 05 đơn tố cáo khẩn cấp, 10 đơn khiếu nại, 06 đơn khiếu nại khẩn cấp và 03 đơn đề nghị.

Trong thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 3/2026, Vũ Khắc T nhiều lần gửi các đơn nêu trên với nội dung thống nhất, tố cáo anh Nguyễn Nhân Đ có hành vi: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tập trung vào hai nội dung:

Thứ nhất: T cho rằng trong thời gian từ tháng 5/2023 anh Nguyễn Nhân Đ đã vay của T tổng số tiền 3.900.000.000 đồng, sử dụng số tiền này để cho vay lãi và đánh bạc dẫn đến mất khả năng thanh toán.

Thứ hai: Ngày 12/6/2025, T giao xe ô tô biển kiểm soát 99C-079.70 cho anh Đ điều khiển đi giao hàng tại tỉnh Sơn La. Sau đó, khi T yêu cầu trả lại xe thì anh Đ không trả. Tố cáo anh Đ có hành vi: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe ô tô nêu trên (trị giá khoảng 700.000.000 đồng).

Đến ngày 25/02/2026, anh Đ đã làm đơn tố giác hành vi "Vu khống" của Vũ Khắc T do cho rằng T đã nhiều lần gửi đơn đến các cơ quan chức năng tố cáo mình có hành vi "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" với nội dung không đúng sự thật, xâm phạm danh dự, uy tín và quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành xác minh, phát hiện và thu giữ chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 99C-079.70 tại kho hàng H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐGĐ ngày 31/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường M kết luận: Giá trị hao mòn còn lại của chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HINO màu trắng, biển kiểm soát: 99C-079.70, trọng tải 7.950 kg là: 610.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số: 1853/KL-KTHS ngày 24/4/2026 của Phòng C1 Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Khắc T dưới mục "NGƯỜI LÀM ĐƠN", "NGƯỜI TỐ CÁO", "NGƯỜI KHIẾU NẠI" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1.11 đến A1.20, từ A2.6 đến A2.10, từ A3.9 đến A3.16, từ A4.6 đến A4.11, từ A5.4 đến A5.6) so với chữ ký, chữ viết của Vũ Khắc T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKSKV9 ngày 30/06/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Vũ Khắc T về tội "*Vu khống*" theo điểm h khoản 2 điều 156 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Khắc T thừa nhận hành vi tố cáo anh Nguyễn Nhân Đ trước cơ quan có thẩm quyền khi không có căn cứ là vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo Cáo trạng là đúng, không oan sai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh giữ nguyên quan điểm của cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 156; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị, xử phạt:

Bị cáo Vũ Khắc T từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Trả lại cho bị cáo Vũ Khắc T 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HINO màu trắng, biển kiểm soát: 99C – 079.70, trọng tải 7.950 kg.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như khung hình phạt, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự về trường hợp *"Phạm tội do lạc hậu"* và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do Gia đình bị cáo nhiều năm liền được chính quyền địa phương công nhận danh hiệu *"Gia đình văn hóa"* để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên tranh luận với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Khi thực hiện hành vi tố cáo anh Đ, bị cáo biết rõ đó là thông tin bịa đặt do bị cáo đang là người gửi chiếc xe tại kho hàng H chứ không phải anh Đ chiếm đoạt chiếc xe của bị cáo, do đó không thể coi việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp *"Phạm tội do lạc hậu"*, hơn hết bị cáo không phải người dân tộc thiểu số hay sinh sống tại vùng có kinh tế đặc biệt khó khăn. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào thể hiện Gia đình bị cáo nhiều năm liền được chính quyền địa phương công nhận danh hiệu *"Gia đình văn hóa"*. Do đó đại diện Viện kiểm sát xét thấy không có căn cứ để áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như người bào chữa của bị cáo đề nghị, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên phần đề nghị như bản luận tội đã nêu.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bại hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại là anh Nguyễn Nhân Đ cùng những người làm chứng được Tòa án triệu tập tới phiên tòa vắng mặt. Xét thấy anh Đ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng đều đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ cùng những người làm chứng.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Khắc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với đơn tố giác, các biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, các kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 12/6/2025, Vũ Khắc T giao chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, biển kiểm soát: 99C-079.70 cho anh Nguyễn Nhân Đ là người làm thuê cho T điều khiển đi vận chuyển cá giống từ phường M, tỉnh Bắc Ninh đến huyện T, tỉnh Sơn La. Ngày 13/6/2025, sau khi giao hàng xong anh Đ biết T làm đơn khởi kiện mình liên quan đến việc vay nợ tiền nên anh Đ đã bàn giao lại chiếc xe ô tô tải cho anh Nguyễn Xuân Đ1 (là phụ xe đi cùng) để trả lại cho T. Anh Đ1 thông báo cho T biết về việc anh Đ bàn giao xe. Sau đó T nhờ anh Lâm Mạnh C đến nhận xe và đưa về kho hàng Hưng Thơm của chị Lâm Thị T2 tại xã M, tỉnh Sơn La để gửi. Quá trình sau đó do bức xúc việc anh Đ vay tiền chưa trả nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2025 đến tháng 3/2026, T đã nhiều lần làm đơn tố cáo, khiếu nại gửi đến nhiều cơ quan với nội dung tố cáo anh Nguyễn Nhân Đ có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô tải BKS: 99C-079.70 trị giá 610.000.000 đồng, trong khi chính T là người đang gửi chiếc xe ô tô đó tại kho hàng H. Hành vi của Vũ Khắc T là cố tình bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền, xâm phạm danh dự, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Nhân Đ.

Hành vi nêu trên của T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vu khống". Do đó Cáo trạng số: 62/CT-VKSKV9 ngày 30/06/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh truy tố bị cáo theo điểm h khoản 2 Điều 156 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận biết và buộc phải biết việc bịa đặt, tố cáo người khác phạm tội là vi phạm pháp luật nhưng vì bức xúc với cá nhân anh Đ mà dẫn đến việc phạm tội, xâm phạm đến danh dự, uy tín, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác. Chính vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ *" Phạm tội do lạc hậu"* quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và "*Gia đình văn hóa"* quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự của người bào chữa cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội khi biết rõ thông tin mà bị cáo tố cáo anh Đ là bịa đặt nên không thể coi bị cáo là phạm tội do lạc hậu. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp được cho Tòa án căn cứ thể hiện gia đình bị cáo nhiều năm được công nhận là *"Gia đình văn hóa"* nên không có căn cứ áp dụng cho bị cáo đối với 02 tình tiết giảm nhẹ trên.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Nhân Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HINO màu trắng, biển kiểm soát: 99C – 079.70, trọng tải 7.950 kg là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo có đề nghị nhận lại nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề liên quan:

- Đối với ông Nguyễn Anh N, ngoài lời khai của bị cáo T thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông N biết toàn bộ nội dung vụ việc và hướng dẫn T viết đơn. Cơ quan điều tra đã cho tiến hành đối chất giữa bị cáo và ông N nhưng không làm rõ được mâu thuẫn trong lời khai của hai người. Vì vậy chưa có đủ căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Anh N.

- Đối với chị Lâm Thị T2, anh Lâm Mạnh C và anh Nguyễn Xuân Đ1: Quá trình điều tra xác định những người này không biết mục đích của Vũ Khắc T trong việc gửi xe ô tô tại kho hàng H và không tham gia vào việc làm đơn tố cáo anh Nguyễn Nhân Đ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với số tiền 3.900.000.000 đồng anh Đ vay của Vũ Khắc T: Quá trình điều tra xác định đây là giao dịch dân sự nên bị cáo Vũ Khắc T có quyền gửi đơn đến Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Khắc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 156; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Khắc T phạm tội "*Vu khống*".

2. Xử phạt bị cáo Vũ Khắc T 01 năm 06 tháng (*một năm sáu tháng*) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm (*ba năm*) kể từ ngày 30/7/2026 là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở nên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Vũ Khắc T 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HINO màu trắng, biển kiểm soát: 99C – 079.70, trọng tải 7.950 kg.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Khắc T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 06 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 9 – Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Xuân Sướng